TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **82**/2024/HS-ST
Ngày: 27/8/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thanh Hà.

2. Ông Nguyễn Văn Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân QUẬN X, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X, Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Phan Việt Tú - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 26/8/2024 đến ngày 27/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân QUẬN X, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

- *Bị cáo:* **Nguyễn Minh T**; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 17/01/2000; Tại: Thành phố H; Nơi đăng ký thường trú: Số 26 đường P, Phường 16, Quận T, Thành phố H; Chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con bà Nguyễn Thị Thủy T; Con ông: không xác định được; Vợ, con: Không có; Tiền án, tiền sự : Không có; Bị bắt tạm giữ ngày 22/7/2023, tạm giam ngày 28/7/2023.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị Phan Ngọc Thị Cẩm N, sinh năm: 1982.

Địa chỉ thường trú: Số 32 đường K, Phường 13, Quận 5, Thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: Số 69/6 đường Đ, Phường 5, QUẬN X, Thành phố H.(có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh ngày 15/6/2006.

Địa chỉ: Số 117H/68 đường Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Thành phố H.(vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Số 110/9 đường Phú Định, Phường 16, Quận 8, Thành phố H.(có mặt)

3. Chị Nguyễn Mộng Thùy D, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Số 151D Khu phố 4, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố H.(vắng mặt)

4. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp 3, xã V, huyện C, tỉnh A. (vắng mặt)

5. Ông Bùi Văn A, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 367 Đường V, Phường 10, QUẬN X, Thành phố H. (vắng mặt)

6. Chị Lý Thị Phương X, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 9/8/1 Đường T, phường Đ, quận B, Thành phố H. (vắng mặt)

7. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 96 đường Gia Phú, Phường 1, QUẬN X, Thành phố H. (vắng mặt)

8. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện T, Thành phố N. (vắng mặt)

9. Chị Trần Minh T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 13 lô D Thương xá Nhị Thiên Đường (số mới 69 Đường Hoàng Minh Đạo), Phường N, Quận 8, Thành phố H. (vắng mặt)

10. Ông Nguyễn Kiếm V, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số 91/3 Đường Võ Văn Kiệt, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 13 tháng 7 năm 2023, chị Phan Ngọc Thị Cẩm N đến mở cửa hàng đồ chơi ‘‘KIM THÀNH’’ tại địa chỉ số 44 đường Tháp Mười, Phường 2, QUẬN X cùng với nhân viên là Nguyễn Minh T. Trong lúc dọn hàng để bày bán, chị Nhung cất vào ngăn tủ tính tiền một chiếc ví bằng nhựa trong suốt, bên trong chứa số tiền 120.000.000 đồng, 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank và 01 chìa khóa xe mô tô. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, chị Nhung đến mở ngăn tủ lấy tiền thì phát hiện bị mất trộm chiếc ví cùng số tiền bên trong. Sau khi kiểm tra hình ảnh trong camera của cửa hàng, chị Nhung xác định T đã lấy trộm chiếc ví vào khoảng 08 giờ 45 phút cùng ngày nên đã đến Công an Phường 2, QUẬN X để trình báo. Hồ sơ đã được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an QUẬN X giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 100/KL-HĐĐGTS ngày 01 tháng 11 năm 2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự QUẬN X từ chối định giá chiếc ví bằng nhựa trong suốt của chị Phan Ngọc Thị Cẩm N do không có đủ thông tin liên quan đến chiếc ví.

Qua truy xét, trên cơ sở dữ liệu hình ảnh camera do chị Nhung cung cấp, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập Nguyễn Minh T đến trụ sở để điều tra làm rõ. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Minh T khai nhận: Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 13 tháng 7 năm 2023, trong lúc phụ giúp chị Phan Ngọc Thị Cẩm N dọn hàng để bày bán ở cửa hàng đồ chơi ‘‘KIM THÀNH’’, T nhìn thấy chị Nhung cất một chiếc ví bằng nhựa trong suốt, có viền màu hồng bên trong chứa tiền vào trong ngăn tủ tính tiền nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. Lúc này, lợi dụng việc chị Nhung đang dọn hàng và không chú ý, T lén lút tiếp cận và mở ngăn tủ lấy trộm chiếc ví rồi đi vào nhà vệ sinh để giấu vào thắt lưng. Tiếp đó, T giả vờ xin chị Nhung đến cửa hàng của bạn gái có việc riêng rồi bỏ trốn.

T đã dùng tiền trộm cắp để chuộc lại chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave gắn biển số 59L1-397.17 với giá 5.500.000 đồng tại cửa hiệu cầm đồ của anh Bùi Văn A, địa chỉ: Số 367 Đường V, Phường 10, QUẬN X rồi cùng với bạn gái là Nguyễn Thị Thu N đi chơi tại thành phố Vũng Tàu hết số tiền 2.500.000 đồng. Sau đó, T mua chiếc xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 59T2-329.99 với giá 32.500.000 đồng ở cửa hàng kinh doanh xe mô tô ‘‘HOÀNG GIANG’’ của Nguyễn Mộng Thùy D tại địa chỉ số 152D/3 Quốc lộ 22, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12; mua một số trang sức bằng vàng tại cửa hàng ‘‘THANH TRÚC’’ của chị Lý Thị Phương X ở địa chỉ số 127-129 đường Minh Phụng, Phường 9, QUẬN X với số tiền 43.515.000 đồng và cho ông Nguyễn Văn L tổng số tiền 12.500.000 đồng để tiêu xài nhưng không nói là tiền do phạm tội mà có. Còn lại số tiền 6.700.000 đồng chưa sử dụng thì bị bắt. Chiếc thẻ ATM và chìa khóa xe của chị Nhung, T đã vứt bỏ.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A04S màu xanh, số Imei: 350753202535829 và 01 điện thoại di động hiệu Realme 5 màu tím, số Imei: 865394042171430 không gắn sim. Nguyễn Minh T khai chiếc điện thoại di động hiệu Realme 5 là của T còn chiếc điện thoại di động hiệu Samsung là của Nguyễn Thị Thu N nhờ T giữ giùm;

- 01 nhẫn bằng hợp kim vàng loại 23K có ghi chữ 2CT.TRUC, 01 nhẫn kiểu nam, 01 nhẫn kiểu nữ và 02 chiếc bông tai đều bằng hợp kim vàng loại 14K. Đây là số trang sức mà T đã dùng tiền trộm cắp của chị Phan Ngọc Thị Cẩm N để mua tại cửa hàng ‘‘THANH TRÚC’’;

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX gắn biển số 59L1.397.17 có số khung: RLHJA3125EY032244, số máy: JA31E-0175083 thu giữ của Nguyễn Minh T;

- 01 xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 59T2-329.99 có số khung: MH1KB1113KK219262, số máy: KB11E-1218492;

- 01 áo thun ngắn tay có cổ màu đen và 01 quần jeans lửng màu đen là trang phục mà Nguyễn Minh T sử dụng khi trộm cắp tài sản;

- 01 mũ bảo hiểm màu đen có in chữ PIAGGIO và 01 áo sơ mi màu đen tay dài là trang phục Nguyễn Minh T sử dụng khi đến làm thuê cho cửa hàng của chị Phan Ngọc Thị Cẩm N;

- 6.700.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đây là số tiền còn lại mà T đã trộm cắp của chị Phan Ngọc Thị Cẩm N;

- 01 USB màu trắng chứa dữ liệu hình ảnh vụ trộm đã được niêm phong và lưu vào hồ sơ vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự: Chị Phan Ngọc Thị Cẩm N yêu cầu được nhận số trang sức bằng vàng và chiếc xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 59T2-329.99 theo trị giá mà Nguyễn Minh T đã mua cùng với số tiền 6.700.000 đồng còn lại. Ngoài ra, số tiền còn thiếu chị Nhung yêu cầu T bồi thường thêm cho đủ số tiền 120.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 86/CT-VKS-Q6 ngày 01 tháng 7 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X, Thành phố H đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội «Trộm cắp tài sản» theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Minh T khai nhận chính bị cáo đã thực hiện hành vi lấy trộm của chị Phan Ngọc Thị Cẩm N số tiền 120.000.000 đồng tại nhà số 44 đường Tháp Mười, Phường 2, QUẬN X vào lúc khoảng 08 giờ ngày 13/7/2023, hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng nêu;

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý giao lại cho chị Nhung số hiện vật mà bị cáo đã dùng tiền trộm cắp của chị Nhung để mua, gồm: 01 nhẫn vàng 02 chỉ trị giá 13.000.000 đồng; 01 nhẫn nữ trị giá 3.500.000 đồng; 01 nhẫn nam trị giá 12.000.000 đồng; 01 đôi bông tai trị giá 1.700.000 đồng; 01 mô tô hiệu Honda Sonic biển số 59T2-329.99 trị giá 32.500.000 đồng cùng số tiền 6.700.000 đồng. Tổng trị giá là 69.400.000 đồng.

Bị cáo đồng ý bồi thường thêm cho chị Nhung số tiền còn thiếu là 50.600.000 đồng.

Bị hại là chị Phan Ngọc Thị Cẩm N trình bày :

Bị cáo đã có ý định trộm cắp từ trước nên đã để ý việc chị bỏ tiền vào ngăn kéo. Số tiền bị mất dù được đựng trong ví nhựa nhưng chiếc ví được để trong 1 cái ba lô kín, đến cửa hàng chị mới lấy cái ví trong ba lô cất vào trong ngăn kéo. Nếu bị cáo không để ý sẽ không biết chị bỏ ví tiền đó trong ngăn kéo tính tiền. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo thật nghiêm.

Đối với trách nhiệm dân sự: Chị đề nghị được nhận lại số tiền 6.700.000 đồng và toàn bộ vật chứng mà bị cáo đã dùng tiền trộm cắp để mua, chị thống nhất với trị giá các vật chứng như bị cáo đã khai tại phiên tòa, cụ thể: 01 nhẫn vàng 02 chỉ trị giá 13.000.000 đồng; 01 nhẫn nữ trị giá 3.500.000 đồng; 01 nhẫn nam trị giá 12.000.000 đồng; 01 đôi bông tai trị giá 1.700.000 đồng; 01 mô tô hiệu Honda Sonic biển số 59T2-329.99 trị giá 32.500.000 đồng cùng số tiền 6.700.000 đồng. Tổng trị giá là 69.400.000 đồng.

Yêu cầu ông Nguyễn Văn L trả lại cho chị số tiền được bị cáo cho là 12.500.000 đồng vì đây là tiền bị cáo trộm cắp của chị đưa cho ông Lợi; Yêu cầu bị cáo bồi thường thêm số tiền 38.100.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn L trình bày:* Ông là cha của bị cáo Nguyễn Minh T, nhưng khi ông chung sống với mẹ của bị cáo không đăng ký kết hôn nên khi làm khai sinh cho Nguyễn Minh T không có họ

tên cha, đến nay ông vẫn chưa làm thủ tục xác định cha cho con nên lý lịch của Nguyễn Minh T ghi không xác định được cha.

Đối với số tiền 12.500.000 đồng, T đưa cho ông nói là tiền do T làm thêm mà có, ông không biết tiền do T trộm cắp nên đã sử dụng hết, nay không còn khả năng để trả lại vì ông hiện bị bệnh, không có việc làm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Minh T như bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo đểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A04S màu xanh, số Imei: 350753202535829 trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu N; 01 điện thoại di động hiệu Realme 5 màu tím, số Imei: 865394042171430 không gắn sim trả lại cho bị cáo do không liên quan đến việc phạm tội.

- 01 nhẫn bằng hợp kim vàng loại 23K có ghi chữ 2CT.TRUC, 01 nhẫn kiểu nam, 01 nhẫn kiểu nữ và 02 chiếc bông tai đều bằng hợp kim vàng loại 14K; 01 xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 59T2-329.99 có số khung: MH1KB1113KK219262, số máy: KB11E-1218492. Đây là vật chứng mà T đã dùng tiền trộm cắp của bị hại để mua nên giao cho bị hại.

- 6.700.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đây là số tiền còn lại mà T đã trộm cắp của bị hại, trả lại cho bị hại.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, thu giữ của Nguyễn Minh T có số khung: RLHJA3125EY032244, số máy: JA31E-0175083 là số khung, số máy nguyên thủy, giao cho Cơ quan Thi hành án đăng báo tìm chủ sở hữu trong thời hạn 01 năm, nếu không xác định được chủ sở hữu thì sung quỹ nhà nước.

- 01 Biển số xe 59L1-397.17 giao cho Cơ quan Công an QUẬN X xử lý theo quy định.

- 01 áo thun ngắn tay có cổ màu đen và 01 quần jeans lửng màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu đen có in chữ PIAGGIO và 01 áo sơ mi màu đen tay dài là trang phục của Nguyễn Minh T đề nghị tiêu hủy.

- 01 USB màu trắng chứa dữ liệu hình ảnh vụ trộm đã được niêm phong lưu vào hồ sơ vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự: Ngoài số hiện vật đã giao trả lại cho bị hại thì buộc bị cáo phải bồi thường thêm cho bị hại đủ số tiền 120.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Minh T gửi lời xin lỗi đến bị hại vì đã gây ra thiệt hại cho bị hại, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái và vi

phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối hận. Xin Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an QUẬN X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Nguyễn Minh T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại là chị Phan Ngọc Thị Cẩm N, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Nguyễn Thị Thu N, Nguyễn Văn L, Nguyễn Mộng Thùy D, Bùi Văn A, Lý Thị Phương X); Hình ảnh trích xuất từ camera về hành vi của bị cáo tại hiện trường vụ án cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc khoảng 08 giờ ngày 13/7/2023, tại cửa hàng Kim Thành số 44 đường Tháp Mười, Phường 2, QUẬN X, bị cáo Nguyễn Minh T đã lén lút lấy trộm của chị Phan Ngọc Thị Cẩm N số tiền 120.000.000 đồng rồi bỏ trốn. Hành vi của bị cáo là phạm tội «Trộm cắp tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X đã truy tố.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Minh T, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo Nguyễn Minh T là người có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra, nhưng do động cơ tư lợi cá nhân, tham lam tài sản của người khác; Bị cáo lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, thì bị cáo Nguyễn Minh T còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Xét bị cáo không có khả năng

thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A04S màu xanh, số Imei1: 350753202535829, số Imei2: 352044982535827 và 01 điện thoại di động hiệu Realme 5 màu tím, 64Gb số Imei1: 865394042171430, số Imei2: 865394042171422, không gắn sim. Nguyễn Minh T khai chiếc điện thoại di động hiệu Realme 5 là của T còn chiếc điện thoại di động hiệu Samsung là của chị Nguyễn Thị Thu N nhờ T giữ giùm. Các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo và chị Nguyễn Thị Thu N;

- 01 nhẫn kim loại màu vàng có chữ 2CT.TRUC; 01 nhẫn kim loại màu vàng, kiểu nhẫn nam, có đính nhiều hột; 01 nhẫn kim loại màu vàng, kiểu nhẫn nữ, có đính nhiều hột; 01 đôi bông tai kim loại màu vàng, có đính nhiều hột. Tất cả được niêm phong, bên ngoài có chữ ký của Điều tra viên Ngô Quang Bình và dấu mộc của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an QUẬN X. Đây là số trang sức mà T đã dùng tiền trộm cắp của bị hại Phan Ngọc Thị Cẩm N để mua tại cửa hàng ‘‘THANH TRÚC’’. Bị cáo và bị hại thống nhất trị giá của các hiện vật nêu trên là 30.200.000 đồng, bị hại yêu cầu được nhận lại để cấn trừ vào số tiền bồi thường của bị cáo là phù hợp với quy định tại Điều 585 Bộ luật dân sự 2015 nên giao lại cho chị Phan Ngọc Thị Cẩm N.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Sonic, màu trắng-đỏ-đen, biển số 59T2-329.99 có số khung: MH1KB1113KK219262, số máy: KB11E-1218492 là số khung, số máy nguyên thủy. Kết quả xác minh: Chiếc xe này do anh Nguyễn Kiếm V đứng tên chủ sở hữu và đã ủy quyền cho anh Bùi Văn T bán lại cho cửa hàng kinh doanh xe mô tô ‘‘HOÀNG GIANG’’ của Nguyễn Mộng Thùy D. Việc ủy quyền của chủ sở hữu xe là hợp pháp, cửa hàng kinh doanh xe mô tô ‘‘HOÀNG GIANG’’ không biết bị cáo sử dụng tiền trộm cắp để mua xe nên việc cửa hàng kinh doanh xe mô tô ‘‘HOÀNG GIANG’’ bán xe cho bị cáo là hợp pháp. Tại phiên tòa, bị hại và bị cáo thống nhất trị giá chiếc xe nêu trên là 32.500.000 đồng, bị hại yêu cầu được nhận lại xe và cấn trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường là phù hợp nên giao chiếc xe nêu trên cho bị hại.

- Số tiền 6.700.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đây là số tiền còn lại mà T đã trộm cắp của bị hại Phan Ngọc Thị Cẩm N nên trả lại cho bị hại;

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX gắn biển số xe 59L1-397.17, màu trắng-đen, số khung: RLHJA3125EY032244, số máy: JA31E-0175083 là số khung, số máy nguyên thủy. Kết quả xác minh: Chiếc xe này được cấp biển số thật là 29Y5-303.71 do anh Phạm Văn T đứng tên chủ sỡ hữu. Anh T khai đã cho em là anh Nguyễn Văn Q chiếc xe nêu trên và anh Quý đã bán chiếc xe cho một người bạn quen biết ngoài xã hội (không rõ lai lịch). Nguyễn Minh T khai đã mua lại chiếc xe từ một người tên Hiếu (không rõ lai lịch), không có giấy tờ đăng ký xe, không có hợp đồng mua bán xe nên hiện chưa rõ chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp của chiếc xe bị thu giữ. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao chiếc xe mô tô nêu trên cho Cơ quan Thi hành án thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm chủ sở hữu hợp pháp trong thời hạn 01 năm, nếu xác định được chủ sở hữu hợp pháp thì trả cho họ. Sau 01 năm, không xác định được ai là chủ sở hữu thì sung

vào ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nếu có tranh chấp về quyền sở hữu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khi có yêu cầu.

- Biển số xe 59L1-397.17. Kết quả xác minh: Biển số này được cấp cho xe mô tô hiệu NOZZA có số khung: RLCN1DR10CY035544, số máy: 1DR1035550 do chị Trần Minh T đứng tên chủ sỡ hữu. Hiện chị Trang đang sử dụng xe máy chính chủ có gắn biển số 59L1-397.17. Do đó, giao lại biển số xe 59L1-397.17 gắn trên xe Honda Wave RSX của bị cáo cho Công an QUẬN X xử lý theo quy định của pháp luật;

- 01 áo thun ngắn tay có cổ màu đen và 01 quần jeans lửng màu đen, 01 mũ bảo hiểm màu đen có in chữ PIAGGIO và 01 áo sơ mi màu đen tay dài là trang phục của Nguyễn Minh T, hiện không còn giá trị sử dụng nên tiêu hủy;

- 01 USB màu trắng chứa dữ liệu hình ảnh vụ trộm đã được niêm phong và lưu vào hồ sơ vụ án.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 103/PNK ngày 28/9/2023 (BL171); Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/8/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an QUẬN X và Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN X; Giấy nộp tiền ngày 01/02/2024 của Điều tra viên Ngô Quang Bình tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Bắc Thành phố H (BL 215).

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo và ông Nguyễn Văn L phải bồi thường cho bị hại Phan Ngọc Thị Cẩm N số tiền 120.000.000 đồng. Trong đó: Chị Nhung đồng ý nhận bằng hiện vật mà Nguyễn Minh T dùng tiền trộm cắp để mua, gồm: 01 nhẫn kim loại màu vàng có chữ 2CT.TRUC; 01 nhẫn kim loại màu vàng, kiểu nhẫn nam, có đính nhiều hột; 01 nhẫn kim loại màu vàng, kiểu nhẫn nữ, có đính nhiều hột; 01 đôi bông tai kim loại màu vàng, có đính nhiều hột; 01 xe mô tô hiệu Honda Sonic, màu trắng-đỏ-đen, biển số 59T2-329.99 có số khung: MH1KB1113KK219262, số máy: KB11E-1218492 cùng số tiền 6.700.000 đồng bị cáo bị thu giữ. Tổng trị giá là 69.400.000 đồng;

Số tiền 12.500.000 đồng bị cáo cho ông Nguyễn Văn L là tiền do bị cáo trộm cắp mà có nên buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả lại cho bị hại số tiền 12.500.000 đồng ;

Bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại số tiền 38.100.000 đồng.

[7] Đối với chị Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Văn L, tuy có sử dụng một phần tiền bị cáo trộm cắp của bị hại nhưng không biết đó là số tiền bị cáo phạm tội mà có; Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị Ngọc và ông Lợi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 5.375.000 đồng;

Ông Nguyễn Văn L phải chịu số tiền án phí dân sự là 625.000 đồng, theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh T** phạm tội: «Trộm cắp tài sản».

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng** tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/7/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 275, Điều 579, Điều 580, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015:

Buộc bị cáo và ông Nguyễn Văn L phải bồi thường cho bị hại Phan Ngọc Thị Cẩm N số tiền 120.000.000 đồng. Trong đó: Chị Nhung đồng ý nhận bằng hiện vật mà Nguyễn Minh T dùng tiền trộm cắp để mua, gồm: 01 nhẫn kim loại màu vàng có chữ 2CT.TRUC; 01 nhẫn kim loại màu vàng, kiểu nhẫn nam, có đính nhiều hột; 01 nhẫn kim loại màu vàng, kiểu nhẫn nữ, có đính nhiều hột; 01 đôi bông tai kim loại màu vàng, có đính nhiều hột; 01 xe mô tô hiệu Honda Sonic, màu trắng-đỏ-đen, biển số 59T2-329.99 có số khung: MH1KB1113KK219262, số máy: KB11E-1218492 cùng số tiền 6.700.000 đồng bị cáo bị thu giữ. Tổng trị giá: 69.400.000 đồng;

Ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả lại cho bị hại số tiền 12.500.000 đồng ;

Bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại số tiền 38.100.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng:

- 01 USB màu trắng chứa dữ liệu hình ảnh vụ trộm đã được niêm phong và lưu vào hồ sơ vụ án.

- Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu N 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A04S màu xanh, số Imei1: 350753202535829, số Imei2: 352044982535827;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh T 01 điện thoại di động hiệu Realme 5 màu tím, 64Gb số Imei1: 865394042171430, số Imei2: 865394042171422, không gắn sim.

- Căn cứ khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Giao cho bị hại Phan Ngọc Thị Cẩm N: 01 nhẫn kim loại màu vàng có chữ 2CT.TRUC; 01 nhẫn kim loại màu vàng, kiểu nhẫn nam, có đính nhiều hột; 01

nhẫn kim loại màu vàng, kiểu nhẫn nữ, có đính nhiều hột; 01 đôi bông tai kim loại màu vàng, có đính nhiều hột. Tất cả được niêm phong, bên ngoài có chữ ký của Điều tra viên Ngô Quang Bình và dấu mộc của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an QUẬN X;

01 xe mô tô hiệu Honda Sonic, màu trắng-đỏ-đen, biển số 59T2-329.99 có số khung: MH1KB1113KK219262, số máy: KB11E-1218492 cùng số tiền 6.700.000 đồng bị cáo bị thu giữ để cấn trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 228 của Bộ luật dân sự năm 2015:

01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX gắn biển số xe 59L1-397.17, thu giữ của Nguyễn Minh T có số khung: RLHJA3125EY032244, số máy: JA31E-0175083 là số khung, số máy nguyên thủy (được đăng ký biển số thật là 29Y5-303.71) giao cho Cơ quan Thi hành án thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm chủ sở hữu hợp pháp trong thời hạn 01 năm, nếu xác định được chủ sở hữu hợp pháp thì trả cho họ. Sau 01 năm, không xác định được ai là chủ sở hữu thì sung vào ngân sách Nhà nước. Nếu có tranh chấp về quyền sở hữu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khi có yêu cầu.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017: Biển số xe 59L1-397.17 gắn trên xe Honda Wave RSX của bị cáo giao cho Công an QUẬN X xử lý theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 áo thun ngắn tay có cổ màu đen và 01 quần jeans lửng màu đen, 01 mũ bảo hiểm màu đen có in chữ PIAGGIO và 01 áo sơ mi màu đen tay dài là trang phục của Nguyễn Minh T, hiện không còn giá trị sử dụng.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 103/PNK ngày 28/9/2023 (BL171); Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/8/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an QUẬN X và Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN X; Giấy nộp tiền ngày 01/02/2024 của Điều tra viên Ngô Quang Bình tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Bắc Thành phố H (BL 215).

- Về án phí:

Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội :

Bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 5.375.000 đồng;

Ông Nguyễn Văn L phải chịu số tiền án phí dân sự là 625.000 đồng.

- Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Minh T; bị hại và ông Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND QUẬN X;
- Công an QUẬN X;
- TAND Tp. H;
- Công an Tp. H;
- Trại tạm giam Chí Hòa (T30);
- Chi cục THADS QUẬN X;
- Sở Tư pháp Tp. H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tú